

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 958/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký Tòa án: Ông Hà Văn Đoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/9/2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1224/TB-TLVA ngày 06/12/2019 về việc tranh chấp ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 219/2020/QĐST-NHGD ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 157/1A khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 41/41 đường T, khu phố x, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tiến tới hôn nhân vào năm 2010 có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 25/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc, chị và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2016 nay chị xác định tình cảm với anh T1 không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Tên Nguyễn Thị T2, sinh ngày 29/8/2006 và Nguyễn Huyền T3, sinh ngày 10/10/2011; sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn Huyền T3 và giao người con chung tên Nguyễn Thị T2 cho anh Tảo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 (vắng mặt không có lời khai).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự; tuy nhiên Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 cư trú tại địa chỉ 41/41 đường T, khu phố x, phường T, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; chị Lý Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Văn T1. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án số 1224/TB-TLVA ngày 06/12/2019 cho anh T1 nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 anh T1 vẫn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị T; Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T1 vào các ngày 10/3/2020 và ngày 16/6/2020, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng.

Ngày 10/8/2020 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đồng thời triệu tập anh T1 tham gia phiên tòa vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 31/8/2020 nhưng tại phiên tòa anh T1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (17/9/2020), nhưng anh T1 vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Tại phiên tòa chị Thăm có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.5] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức cho rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án sơ thẩm vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử là có cơ sở, nên Thẩm phán cần phải rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình giải quyết vụ án anh Tảo vắng mặt, nên Tòa án không thể làm rõ giữa chị T và anh T1 có những mâu thuẫn gì; tuy nhiên anh Tảo không đến tòa để giải quyết coi như từ bỏ yêu cầu đoàn tụ gia đình. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Tên Nguyễn Thị T2, sinh ngày 29/8/2006 hiện nay anh T1 đang trực tiếp, trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tại biên bản lấy ý kiến ngày 24/6/2020 trẻ Nguyễn Thị T2 có nguyện vọng được ở với anh T1, chị T cũng đồng ý vì vậy để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của trẻ, nên tiếp tục giao cho anh T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Con chung tên Nguyễn Huyền T3, sinh ngày 10/10/2011 hiện nay do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tại biên bản lấy ý kiến ngày 24/6/2020 trẻ Nguyễn Huyền T3 có nguyện vọng được ở với chị T, để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của trẻ; nên tiếp tục giao cho chị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T tự khai không có.

[2.5] Về nợ chung: Chị T tự khai không có

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng chị Lý Thị T phải chịu.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị T tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127/2010 ngày 25/10/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung:

+ Giao người con chung tên Nguyễn Thị T2, sinh ngày 29/8/2006 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

+ Giao người con chung Nguyễn Huyền T3, sinh ngày 10/10/201 cho chị Lý Thị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T tự khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng chị T phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0056222 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự quận Thủ Đức; (1)
- Các đương sự (2)
- Ủy ban nhân xã T, (1)
- huyện T, tỉnh Sóc Trăng; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (2)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình